

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ năm 2020

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (DẠNG TÓM LƯỢC)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu số B 01B - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	30/06/2020	01/01/2020
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.460.723.707.756	3.749.261.468.109
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.152.678.525.093	783.781.042.983
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		131.959.046.724	503.978.804.030
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.251.664.269.817	1.666.719.166.565
IV Hàng tồn kho	140		678.807.227.168	541.022.580.370
V Tài sản ngắn hạn khác	150		245.614.638.954	253.759.874.161
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.280.659.280.418	16.541.403.276.210
I Các khoản phải thu dài hạn	210		27.493.017.621	16.237.514.071
II Tài sản cố định	220		13.658.630.207.436	13.879.153.657.832
III Bất động sản đầu tư	230		25.869.008.582	27.339.692.700
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		2.258.092.950.435	2.275.284.438.050
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		159.910.790.785	173.977.990.645
VI Tài sản dài hạn khác	260		150.663.305.559	169.409.982.912
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.741.382.988.174	20.290.664.744.319

NGUỒN VỐN	MA SỐ	TM	30/06/2020	01/01/2020
A NỢ PHẢI TRẢ	300		4.124.632.498.656	4.266.225.503.854
I Nợ ngắn hạn	310		2.470.780.012.180	2.642.233.451.096
II Nợ dài hạn	330		1.653.852.486.476	1.623.992.052.758
B Vốn chủ sở hữu	400		15.616.750.489.518	16.024.439.240.465
I Vốn chủ sở hữu	410		3.183.430.279.490	3.582.633.977.638
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		12.433.320.210.028	12.441.805.262.827
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.741.382.988.174	20.290.664.744.319

Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt

Trưởng ban TCKT



Nguyễn Tuấn Vinh

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng giám đốc



 Đặng Sỹ Mạnh

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT(Dạng tóm lược)
Quý II/2020

Mẫu số B 02b - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của
BTC

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II/2020 VND		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI25	1.567.325.583.124	2.416.968.893.355	2.790.523.849.029	4.619.177.956.529
2 Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	21	VI29	10.258.581.564	24.411.950.153	31.511.570.815	53.252.217.602
3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(247.522.850.980)	38.645.112.369	(304.221.300.578)	165.363.489.246
4 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(252.332.700.602)	33.653.879.273	(309.485.733.785)	141.238.875.635

Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt

Trưởng ban TCKT



Nguyễn Tuấn Vinh

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Sỹ Mạnh

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 118 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (DẠNG TÓM LƯỢC)

QUÝ II/2020

Mẫu số B 03b - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II/2020 VND		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		790.583.090.323	146.043.179.374	129.325.633.018	136.509.363.520
2 Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		81.784.315.754	(77.006.366.815)	341.908.442.423	(238.174.232.935)
3 Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(166.011.020.692)	(33.171.482.091)	(102.336.671.728)	(91.892.443.378)
4 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		706.356.385.385	35.865.330.468	368.897.403.713	(193.557.312.793)
5 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		446.322.061.311	1.031.043.777.775	783.781.042.983	1.260.466.421.036
6 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		78.397	20.563	78.397	20.563
7 Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62		-	-	-	-
8 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61+62)	70		1.152.678.525.093	1.066.909.128.806	1.152.678.525.093	1.066.909.128.806

Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt

Trưởng ban TCKT



Nguyễn Tuấn Vinh

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Sỹ Mạnh

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II/2020

Đơn vị: triệu đồng

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ này	Kỳ trước
1	Tiền gửi ngân hàng	01	748.258	626.165
2	Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	396.419	451.766
3	Lãi chuyển nhượng vốn góp	03		
4	Cổ tức và lợi nhuận được chia	04	1.257	
5	Chi phí khấu hao trong kỳ	05	171.592	186.242
6	Tổng số dư nợ vay và thuê tài chính	06	1.820.695	1.797.068
7	Số dư cam kết nghĩa vụ bảo lãnh đang còn hiệu lực của Tập đoàn, TCTy với các đơn vị thành viên	07		
8	Giá gốc đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty khác	08	1.496.507	1.496.068
9	Số đã nộp thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	09	110.641	284.471
10	Số còn phải nộp thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	10	108.793	81.932
11	Nợ phải thu khó đòi	11	(72.555)	(62.996)

Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Vinh

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Tổng giám đốc



Đặng Sỹ Mạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Giữa niên độ 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 118 đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội. Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty TNHH Một thành viên số 0100105052 thay đổi lần thứ 6 ngày 17/4/2020 là 3.250.000.000.000 đồng (Nghị định 11/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ).

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, hàng hoá bằng đường sắt.
- Cung cấp dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt, cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt, hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt.

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng ngành đường sắt;
- Dịch vụ viễn thông;
- Dịch vụ tin học;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;
- Kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Thông tin về các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng công ty có 19 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty như sau:

<u>TT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
A CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC		
1.	Văn phòng Tổng Công ty	Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
2.	Trung tâm Điều hành giao thông vận tải Đường sắt	Số 118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
3.	Chi nhánh Ga Đồng Đăng	Tổ 04, khu ga, Thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lỗ, tỉnh Lạng Sơn
4.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Lạng	Số 25 Xương Giang, p. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

II	Tên đơn vị	Địa chỉ
5.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Lào	Số 04 Trần Hưng Đạo, p. Hồng Hà, Tp. Yên Bái, tỉnh Yên Bái
6.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Nội	Số 120 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
7.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	Số 73 ngõ 2 Quan Thánh, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
8.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Thanh	Số 48 Đại lộ Lê Lợi, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
9.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Số 01 Bùi Thị Xuân, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
10.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Lào Cai	Ga Lào Cai, đường Khánh Yên, Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
11.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Số 01 Lê Ninh, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
12.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Ga Quảng Ngãi, đường Nguyễn Chánh, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
13.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Phú Khánh	Số 19 Thái Nguyên, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
14.	Chi nhánh khai thác Đường sắt Sài Gòn	Số 1A Lê Lai, Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
15.	Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	Số 93 Trần Cao Vân, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
16.	Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Số 2D Khâm Thiên, Đống Đa, Tp. Hà Nội
17.	Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Số 540/21 Cách Mạng Tháng 8, Q3, Tp. Hồ Chí Minh
18.	Xí nghiệp Đầu máy Vinh	Đường Đinh Văn Chắt, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
19.	Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên	Thôn Lã Côi, Gia Lâm, Tp. Hà Nội

B CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1.	Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	Phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội
2.	Trung tâm Y tế Đường sắt	Số 23B Quán Thánh, Hà Nội
3.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 1	Số 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
4.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 2	Số 83 Trần Cao Vân, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
5.	Ban Quản lý Dự án Đường sắt khu vực 3	Số 136 Hàm Nghi, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Tổng số các công ty con

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng công ty có 25 công ty con (1/1/2020: 25 công ty con) như sau:

TT	Tên Công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty CP Đá Đồng Mỏ	Quang Lang, Chi Lăng, Lạng Sơn	51%	51%
2	Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	18 Bảo Quốc, Tp. Huế, Thừa Thiên Huế	51%	51%
3	Công ty CP Đường sắt Hà Hải	481/73 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	51%	51%
4	Công ty CP Đường sắt Hà Lạng	6A Nguyễn Khắc Nhu, Tp. Bắc Giang	51%	51%
5	Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	Trần Huy Liệu, Tp. Nam Định	51%	51%
6	Công ty CP Đường sắt Hà Thái	Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	51,63%	52%

TT	Tên Công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
7	Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	27A Lê Ninh, Tp. Vinh, Nghệ An	51%	51%
8	Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	02 Phố Đức Chính, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	51%	51%
9	Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	02 Yersin, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa	51%	51%
10	Công ty CP Đường sắt QN-ĐN	196 Hải Phòng, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	51%	51%
11	Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	377 Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình	51%	51%
12	Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Q3, Tp. HCM	51%	51%
13	Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	46 Lê Lợi, Tp. Thanh Hóa	51%	51%
14	Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	15 Minh Mạng, Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận	64,5%	64,5%
15	Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	Phố Kiến Thiết, Bến Gót, Tp. Việt Trì	51%	51%
16	Công ty CP Đường sắt Yên Bái	99 Trần Hưng Đạo, Tp. Yên Bái	51%	51%
17	Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	6A Nguyễn Khắc Nhu, Tp. Bắc Giang	51%	51%
18	Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	218 Hải Phòng, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	51%	51%
19	Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	11A Nguyễn Khuyến, Đống Đa, Hà Nội	51%	51%
20	Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	01 Nguyễn Thông, Q3, Tp. HCM	75,77%	75,77%
21	Công ty CP TTTH ĐS Vinh	25B Lê Ninh, Tp. Vinh, Nghệ An	51%	51%
22	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	130 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	91,62%	91,62%
23	Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	136 Hàm Nghi, Q1, Tp. HCM	78,44%	78,44%
24	Công ty CP Xe lửa Dĩ An	8 Lý Thường Kiệt, Dĩ An, Bình Dương	86,85%	86,85%
25	Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	551 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	77,37%	77,37%

Hoạt động chính của các công ty con bao gồm:

- (1) Khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng;
- (2) Quản lý, khai thác, bảo trì và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;
- (3) Quản lý, khai thác, bảo trì và sửa chữa hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt;
- (4) Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sắt; và
- (5) Thiết kế, sản xuất, sửa chữa đầu máy xe lửa và toa xe.

Tổng số các công ty liên kết:

Tại ngày 30/06/2020, Tổng công ty và các công ty con có 10 đơn vị liên kết, danh sách như sau:

TT	Tên Công ty liên doanh, liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết (%)
1	Công ty CP Đá Mỹ Trang	Phổ Hòa, Đức Phổ, Quảng Ngãi	44,44%
2	Công ty CP Dịch vụ ĐS KV1	158 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	40,00%
3	Công ty CP ĐT và XD Công trình 1	152 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	37,75%
4	Công ty CP Công trình 3	136/1A Trần Phú, Q5, Tp. HCM	24,67%
5	Công ty CP ĐTPT Hạ tầng và Đô thị ĐS	Tầng 7, Tòa nhà 9, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	20,00%
6	Công ty CP In ĐS Sài Gòn	136/1A Trần Phú, Q5, Tp. HCM	33,59%
7	Công ty CP Tư vấn ĐT và XD Đường sắt	09 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	20,00%
8	Công ty CP Vận tải và Thương mại ĐS	118 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20,92%
9	Công ty CP XD Công trình Đà Nẵng	83 Trần Cao Vân, Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	29,67%
10	Công ty TNHH Khách sạn TM Sài Gòn	80 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,00%

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính kỳ kế toán 30/06/2020, Công ty ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các Công ty liên kết nguyên nhân do tại thời điểm lập BCTC hợp nhất, Tổng Công ty chưa thu thập được BCTC của các đơn vị trên.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Khi Tổng Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Khi Tổng Công ty thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tổng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn, Tổng Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái Tổng Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo phương pháp giá gốc và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tổng Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày

mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản, công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc, được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình thuộc Nhóm 1: Là những tài sản cố định thuộc hệ thống cơ sở hạ tầng đường sắt (CSHTĐS) và hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt (TTTHĐS) do Nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách Nhà nước giao cho Tổng công ty quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định pháp luật bao gồm: hệ thống cầu, đường, hầm, các thiết bị thuộc hệ thống thông tin hiệu, hệ thống kiến trúc nhà ga. Tài sản cố định hữu hình nhóm 1 được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm nhận bàn giao. Từ năm 2016, theo hướng dẫn tại Thông tin 147/2016/TT-BTC, tài sản cố định thuộc nhóm 1 không phải

trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng của tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản.

Tài sản cố định thuộc Nhóm 2: Là những tài sản cố định sử dụng trong sản xuất kinh doanh được các công ty trực tiếp mua sắm đầu tư.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và giá trị nền đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng được nhà nước giao sử dụng lâu dài, giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và các tài sản cố định vô hình khác.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình thuộc Nhóm 2, khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 12

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và nền đường sắt thuộc kết cấu hạ tầng được Nhà nước giao sử dụng lâu dài không thực hiện trích khấu hao. Đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và tài sản cố định vô hình khác khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này từ 03 - 05 năm.

Đối với tài sản cố định thuộc Nhóm 2 của một số đơn vị hạch toán phụ thuộc và các công ty con thuộc khối quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt, hàng năm dựa vào số đăng ký khấu hao của các đơn vị này, Tổng Công ty sẽ ra quyết định phê duyệt số khấu hao trích trong năm và các đơn vị sẽ trích khấu hao theo số đã được phê duyệt.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên

giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 40 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước của Tổng Công ty được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn tiêu thức và thời gian phân bổ hợp lý.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần công ty thành viên được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và được phân bổ vào chi phí trong 03 năm, bắt đầu từ thời điểm công ty con chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2017 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Doanh thu và thu nhập*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Người lập biểu**Nguyễn Minh Nguyệt**

Trưởng Ban TCKT**Nguyễn Tuấn Vinh**

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2020**Tổng giám đốc****Đặng Sỹ Mạnh**